

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 101/EB/2018



Tên tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 02839958368

Fax: 02839958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:; Ngày cấp:; Nơi cấp:

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **XÓT TAPENADE ĐEN**

2. Thành phần:

Trái ô-liu đen 76% (trái ô-liu, muối), dầu ô-liu nguyên chất 10%, nước, nụ bạch hoa 3.4% (nụ bạch hoa, dấm, muối), pa-tê cá cơm 2.5% (cá cơm muối 2.1%, dầu hương dương), tỏi, nước chanh cô đặc, húng tây, nguyệt quế, hương thảo, tiêu đen.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 999 ngày kể từ ngày sản xuất. Sử dụng tốt nhất trước ngày in trên nắp sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 100 g/ hộp

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao bì thủy tinh. Cam kết bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất bởi: **LUCIEN GEORGELIN (EMB 473268B)**

Địa chỉ: La Prairie de Londres, 47200 Virazeil, France

Xuất xứ: Pháp

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Nhãn chính và nhãn phụ sản phẩm đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm

theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

+ Quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 (Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm).

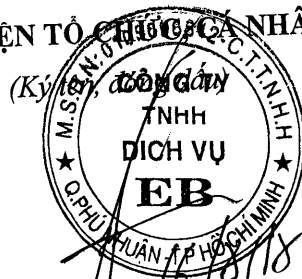
+ QCVN 8-2:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm).

+ Văn bản hợp nhất 02: Thông tư hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN



CLAUDE RETY

Giám Đốc Phát Triển Ngành Hàng
Business Development Director

NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: XỐT TAPENADE ĐEN

Thành phần: Trái ô-liu đen 76% (trái ô-liu, muối), dầu ô-liu nguyên chất 10%, nước, nụ bạch hoa (nụ bạch hoa, dấm, muối), pa-tê cá com 2.5% (cá com muối 2.1%, dầu hương dương), tỏi, nước chanh cô đặc, húng tây, nguyệt quế, hương thảo, tiêu đen.

Ngày sản xuất: .../.../...

Hạn sử dụng: 999 ngày kể từ ngày sản xuất. Sử dụng tốt nhất trước ngày in trên nắp sản phẩm.

Khối lượng tịnh: 100 g

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chế biến các món ăn nhẹ hoặc ăn trực tiếp

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ phòng trước khi mở nắp. Bảo quản trong tủ lạnh sau khi mở nắp và sử dụng trong vòng 7 ngày.

Sản xuất bởi: LUCIEN GEORGELIN (EMB 473268B)

Địa chỉ: La Prairie de Londres, 47200 Virazeil, France

Xuất xứ: Pháp

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 02839958368

Fax: 02839958423





Tapenade đen	Công thức truyền thống	Đề xuất khẩu phần
Sản xuất tại Pháp		

3560070614837 - BẢN DỊCH NHẬN TIẾNG VIỆT

100 g

ONCEMI 09 69 39 7000

3560070614837

Tapenade noire. Ingrédients : Olives noires 76% (Olives, sel), Huile d'olive vierge extra 10%, sel, épices 3,4% (Paprika, vinaigre, sel), pâte d'amandes 2,5% (amandes séchées 2,1%, huile de tournesol, ail, jus de citron concentré, thym, laurier, romarin, poivre noir). Origine : fabriqué en France à partir d'ingrédients de diverses origines. Conservation : A conserver à température ambiante avant ouverture. A conserver au réfrigérateur après ouverture et à consommer dans les 7 jours. A consommer de préférence avant le noir sur le bord du couvercle. Valeurs énergétiques et nutritives moyennes pour 100 g : Energie 1100 kJ (260 kcal) ; Matières grasses 29 g (dont saturés 3,8 g) - Fibres alimentaires 7,5 g - Protéines 2,4 g - Sel 2,9 g. Quantités moyennes de glucides et de sucres, fabriqué en France par EMB 473268 pour Interdis - TSA 91431 - 91343 MASSY Cedex - France.

Tapenade đen. Thành phần: Trái ô-liu đen 76% (trái ô-liu, muối), dầu ô-liu nguyên chất 10%, nước, nụ bạch hoa 3.4% (nụ bạch hoa, dấm, muối), pa-tê cá cơm 2.5% (cá cơm muối 2.1%, dầu hướng dương), tỏi, nước chanh cô đặc, húng tây, nguyệt quế, hương thảo, tiêu đen.

Xuất xứ: Sản xuất tại Pháp từ nguyên liệu nguồn gốc khác nhau.

Bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ phòng trước khi mở nắp. Bảo quản trong tủ lạnh sau khi mở nắp và sử dụng trong vòng 7 ngày. Sử dụng tốt nhất trước: xem ngày trên nắp.

Giá trị dinh dưỡng và năng lượng trung bình trong 100g: Năng lượng 1190 kJ (289 kcal), Chất béo 29g (bao gồm chất béo bão hòa 3.8g), Chất xơ 7.5g, Đạm 2.4g, Muối 2.9g. Lượng carbohydrate và đường không đáng kể.

Sản xuất tại Pháp

Sản xuất bởi EMB 473268B cho Interdis- TSA 91431 -91343 Cedex – France
 Đường dây nóng: 09 69 39 7000
 (Không tính cước)

Số: 1806693A/KQKN
Mã số: 1806184-28
Trang 1 | 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**

Địa chỉ: 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Tên mẫu: **XỐT TAPENADE ĐEN**

Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm, chứa trong hũ kín

Ngày nhận mẫu: 16/06/2018 Thời gian thử nghiệm: 16/06 – 22/06/2018

Ngày trả kết quả: 23/06/2018


Kết quả: Xem trang 2/2

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2005
KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện
Chỉ tiêu 12-14 có ngưỡng phát hiện = 10CFU/g

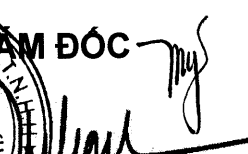
Phụ trách PTN



Nguyễn Kim Liễu



GIAM ĐỐC
CÔNG TY TNHH DV KHCN KHUÊ NAM
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
KHUÊ NAM
QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH



Nguyễn Thị Hồng

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc công ty TNHH DV KHCN Khuê Nam.



STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Năng lượng	Kcal/100g	292	Được tính từ protein, carbohydrate và lipid
02	Protein	%	2.55	AOAC 991.20(*)
03	Lipid	%	30.1	Ref.AOAC 948.22(*)
04	Carbohydrate	%	2.88	TCVN 4594:1988(*)
05	Độ ẩm	%	46.5	AOAC 931.04(*)
06	Muối (NaCl)	%	2.68	AOAC 937.09(*)
07	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 999.11(*)
08	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 999.11(*)
09	Arsen (As)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 986.15(*)
10	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 971.21
11	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	5.0x10 ¹	ISO 4833-1:2013(*)
12	<i>Coliforms</i>	CFU/g	Không phát hiện	ISO 4832:2006 (*)
13	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	Không phát hiện	ISO 6888-1:2003(*)
14	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	Không phát hiện	ISO 21527-2:2008(*)
15	<i>Escherichia Coli</i>	MPN/g	0	ISO 16649-3:2015
16	Salmonella	/25g	Không phát hiện	ISO 6579-1 : 2017